TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2018/QĐST-HNGĐ	*Đầm Dơi, ngày 19 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị N; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Trung Kiên, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Phạm Trung K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Đinh Thị N và anh Phạm Trung K thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao Phạm Tiến Đ và Phạm Ngân H cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh K và chị N mỗi người được hưởng ½ giá trị của chiếc xe Honda hiệu Wave RSX biển số 69-F1 243.61 (chiếc xe có giá trị là 12.000.000 đồng); anh K được nhận chiếc xe trên (chiếc xe cho anh K đang quản lý) và có nghĩa vụ giao lại cho chị N số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị N cho đến khi thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về nợ*: Các đương sự xác định không có.

- *Về án phí*:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị N phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009912 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh K phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009911 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Anh K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn